

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/01/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 704/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022; Về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 248/2022/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Hoàng T, sinh năm 1988; địa chỉ: 520 đường B, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Túy L, sinh năm 1991; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: 520 đường B, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt, do đã bị tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phan Hoàng T điều trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Túy L kết hôn tự nguyện, đã được UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau tại 520 đường B, phường T, thành phố Huế. Quá trình chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ, đánh đập nhau. Vào năm 2018, sau một lần xảy ra mâu thuẫn thì chị L bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không liên lạc gì với anh và gia đình. Năm 2022, anh Tân có làm đơn yêu cầu tuyên bố chị L là người mất tích. Tại Quyết định số 92/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tuyên bố chị Ngô Thị Túy L là một người mất tích. Nay anh Phan Hoàng T khởi kiện xin ly hôn chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T khai anh và chị L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Ngô Thị Túy L: Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, theo quyết định số 92/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Túy L không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022, chính quyền địa phương phường Thủy Biều cho biết: Chị Ngô Thị Túy L bỏ đi biệt tích từ cuối năm 2018 cho đến nay, hiện vẫn không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị L.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Đã bị Tòa án nhân dân thành phố Huế tuyên bố mất tích nên không xét đến.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 39, Điều 6, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Hoàng T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hoàng T được ly hôn chị Ngô Thị Túy L.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Tân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị L có nơi cư trú cuối cùng tại: 520 đường B, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh T và chị L có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2015 (quyển số 01, số 25/2015). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào quyết định số 92/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế thể hiện chị L đã biệt tích từ tháng 3 năm 2019 nên Tòa án đã tuyên bố chị L là một người mất tích; qua xác minh tại địa phương thì cho đến thời điểm hiện nay vẫn không có thông tin gì đối với chị L tại nơi cư trú. Như vậy, thể hiện chị L đã bỏ mặc anh T, không còn quan tâm đến gia đình và tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa vợ chồng anh T và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L.

[2.3] Về con chung: Anh T và chị L không có con chung.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hoàng T.

Anh Phan Hoàng T được ly hôn với chị Ngô Thị Túy L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004583 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế